
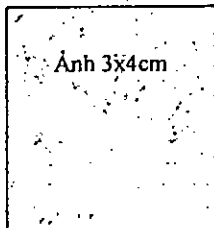


## CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ TƯ VẤN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

<p style="text-align: center;"><b>Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chỉ được nhận và thực hiện các hoạt động tư vấn về phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi của chứng chỉ này.</li> <li>2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy và các quy định của pháp luật có liên quan.</li> <li>3. Không được cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.</li> <li>4. Không tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ.</li> <li>5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền./.</li> </ol>	<p>.....(3)..... .....(4).....</p>  <p style="text-align: center;"><b>CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ TƯ VẤN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY</b></p>
---	--

### THÔNG TIN CÁ NHÂN



Nội dung hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy:

TT	Lĩnh vực hành nghề (1)
01	.....
02	.....
03	.....
04	.....
05	.....

Số chứng chỉ: .....(6).....

(.....(5).....)

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số CCCD/Hộ chiếu: .....

Trình độ chuyên môn: .....

....., ngày..... tháng ..... năm .....

.....(2).....  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Ghi chú:** Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy in trên giấy khổ A5; nền giấy mặt ngoài màu vàng nhạt; nền giấy mặt trong màu xanh nhạt, ở giữa có hình Công an hiệu;

(1) Ghi nội dung lĩnh vực hành nghề về phòng cháy và chữa cháy; tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, tư vấn thẩm định về phòng cháy và chữa cháy, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy, chỉ huy thi công về phòng cháy và chữa cháy;

(2) Chức vụ của người ký;

(3) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp;

(4) Tên cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy;

(5) Ghi nội dung: thay thế Chứng chỉ số .... do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ/Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh .. cấp ngày / / (Trong trường hợp Chứng chỉ được cấp đổi, cấp lại đối với mẫu Chứng chỉ hành nghề được cấp theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 50/2024/NĐ-CP);

(6) Số Chứng chỉ lấy theo số lưu riêng, có cấu trúc: XXXX/YYYY/PCCC-ZZZ. Trong đó (XXXX) ghi số thứ tự theo từng năm bắt đầu từ số 0001; (YYYY) ghi năm cấp chứng chỉ; ZZZ - Quy ước ký hiệu viết tắt tên địa phương cấp theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (ví dụ: 0001/2023/PCCC-AGN).

STT	Nơi cấp	Ký hiệu	STT	Nơi cấp	Ký hiệu
1	An Giang	ANG	33	Kon Tum	KOT
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	BRV	34	Lai Châu	LAC
3	Bắc Giang	BAG	35	Lâm Đồng	LAD
4	Bắc Kạn	BAK	36	Lạng Sơn	LAS
5	Bạc Liêu	BAL	37	Lào Cai	LCA
6	Bắc Ninh	BAN	38	Long An	LOA
7	Bến Tre	BET	39	Nam Định	NAD
8	Bình Định	BID	40	Nghệ An	NGA
9	Bình Dương	BDG	41	Ninh Bình	NIB
10	Bình Phước	BIP	42	Ninh Thuận	NIT
11	Bình Thuận	BIT	43	Phú Thọ	PHT
12	Cà Mau	CAM	44	Phú Yên	PHY
13	Cao Bằng	CAB	45	Quảng Bình	QUB
14	Cần Thơ	CAT	46	Quảng Nam	QUN
15	Đà Nẵng	DNA	47	Quảng Ngãi	QNG
16	Đắk Lắk	DAL	48	Quảng Ninh	QNI
17	Đắk Nông	DAN	49	Quảng Trị	QTR
18	Điện Biên	DIB	50	Sóc Trăng	SOT
19	Đồng Nai	DON	51	Sơn La	SOL
20	Đồng Tháp	DOT	52	Tây Ninh	TAN
21	Gia Lai	GIL	53	Thái Bình	THB
22	Hà Giang	HAG	54	Thái Nguyên	THN
23	Hà Nam	HNA	55	Thanh Hóa	THH
24	Hà Nội	HAN	56	Thừa Thiên Huế	TTH
25	Hà Tĩnh	HAT	57	Tiền Giang	TIG
26	Hải Dương	HAD	58	TP. Hồ Chí Minh	HCM
27	Hải Phòng	HAP	59	Trà Vinh	TRV
28	Hậu Giang	HGI	60	Tuyên Quang	TUQ
29	Hòa Bình	HOB	61	Vĩnh Long	VIL
30	Hưng Yên	HUY	62	Vĩnh Phúc	VIP
31	Khánh Hòa	KHH	63	Yên Bái	YEB
32	Kiên Giang	KIG			